

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **914** /TTLĐNN-TCLĐ
V/v bổ sung danh sách đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K28/2026

Hà Nội, ngày **03** tháng **9** năm 2026

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng khóa K28/2026 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Chuẩn bị các khoản tiền sau đây để nộp khi đến tập trung tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn đối với lao động mới: 920.000 đồng.

+ Chi phí tiền ký túc xá: theo đơn giá do Trung tâm Lao động ngoài nước quy định.

+ Chi phí khám sức khỏe: người lao động nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **14g00 Chủ nhật ngày 13/09/2026;**

- Thời gian đào tạo: từ ngày **14/09** đến ngày **28/09/2026;**

- Tại Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước, địa chỉ: thôn Toàn Thắng, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- *Hồ sơ xin cấp visa*

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **01 Bản gốc Phiếu lý lịch tư pháp** theo mẫu được Đại sứ quán Hàn Quốc quy định (bản giấy có dấu đỏ và chữ ký của cơ quan có thẩm quyền) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa.

Lưu ý:

+ *Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động cần đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin, sắp xếp hồ sơ theo thứ tự và **chỉ nộp hồ sơ khi có đủ giấy tờ**. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác có thể dẫn đến tiến độ xuất cảnh bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.*

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động mang theo điện thoại thông minh có thể kết nối internet và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

+ Người lao động cần kiểm tra, cung cấp chính xác thông tin địa chỉ cư trú theo đơn vị hành chính mới trên ứng dụng VneID.

+ Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn thủ tục ký sổ đối với Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS và Hợp đồng ký quỹ trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **14/09/2026** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn xin hoãn đào tạo giáo dục định hướng (nếu có) để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- Văn phòng HRD;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Lan

RUI
LAC
IGO

DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K28/2026

(Kèm theo Công văn số 944/TTLĐNN-TCLĐ ngày 03/09/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên	Ghi chú
1	50304172	Trương Chí Quân	29/09/1989	Nam	Tỉnh Cà Mau	K28-01	
2	50370907	Sùng A Dơ	05/09/2001	Nam	Tỉnh Điện Biên	K28-02	
3	50303968	Hồ Thanh Minh	27/11/2001	Nam	Tỉnh Gia Lai	K28-03	
4	50329405	Cao Anh Tuấn	01/12/2003	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-04	
5	50329411	Nguyễn Minh Quân	19/05/2005	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-05	
6	50329475	Đào Quyết Thắng	09/03/2005	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-06	
7	50329739	Trần Văn Phúc	14/12/1999	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-07	
8	50354854	Nguyễn Văn Thắng	01/01/1987	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-08	
9	50304343	Kiều Văn Hai	12/11/2002	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-09	
10	50304408	Trần Hữu Tùng	25/03/1997	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-10	
11	50304417	Nguyễn Văn Quý	27/11/1991	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-11	
12	50304460	Mai Xuân Điền	06/03/1997	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-12	
13	50304489	Đinh Văn Kiên	15/05/1994	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-13	
14	50304500	Nguyễn Văn Thiện	06/11/1996	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-14	
15	50304532	Võ Quang Linh	22/02/2002	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-15	
16	50304617	Nguyễn Tuấn Anh	02/02/1996	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-16	
17	50301999	Nguyễn Hữu Pháp	18/06/1995	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-17	
18	50302043	Trần Đình Mạnh	02/11/2002	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-18	
19	50302055	Trần Đình Kiên	20/01/2003	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-19	
20	50302056	Đậu Xuân Quân	28/02/2004	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-20	
21	50302100	Nguyễn Tiến Trung	26/05/2006	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K28-21	
22	50304645	Đàm Thùy Ngân	25/01/2003	Nữ	Tỉnh Lạng Sơn	K28-22	
23	50370347	Triệu Tồn Kiều	10/02/1994	Nam	Tỉnh Lào Cai	K28-23	
24	50309089	Nguyễn Văn Thái	04/04/1995	Nam	Tỉnh Lâm Đồng	K28-24	
25	50304353	Nguyễn Văn Xị	09/10/1996	Nam	Tỉnh Lâm Đồng	K28-25	
26	50304354	Trần Minh Vương	09/02/2002	Nam	Tỉnh Lâm Đồng	K28-26	
27	50303730	Trần Thị Dần	02/03/1998	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K28-27	Bố trí lại
28	50310936	Trịnh Xuân Tiền	26/10/2001	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K28-28	
29	50300728	Nguyễn Văn Đức	12/01/1998	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K28-29	
30	50322172	Lê Văn Long	14/12/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-30	
31	50322261	Hồ Đức Hiền	19/08/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-31	
32	50322350	Tăng Đình Đức	07/08/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-32	
33	50323656	Cao Đức Mạnh	20/03/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-33	
34	50323780	Phan Văn Thịnh	20/11/1994	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-34	
35	50324556	Nguyễn Thị Huyền	22/01/2001	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K28-35	
36	50324611	Nguyễn Văn Phương	23/12/1996	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-36	
37	50324615	Nguyễn Trọng Đệ	17/11/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-37	
38	50324709	Nguyễn Phùng Khánh	17/04/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-38	
39	50325953	Hồ Thị Hoài Nụ	21/04/2005	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K28-39	
40	50371672	Lô Tiến Đạt	14/08/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-40	
41	50371732	Nguyễn Giáo Dương	05/07/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-41	
42	50202952	Nguyễn Văn Đạt	25/11/2006	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-42	
43	50303133	Trần Minh Thông	30/03/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-43	
44	50303137	Trần Đình Ba Duy	05/02/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-44	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên	Ghi chú
45	50303165	Lê Văn Sơn	14/01/1991	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-45	
46	50303185	Nguyễn Văn Tuấn	07/07/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-46	
47	50303226	Bùi Văn Bình	23/01/1990	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-47	
48	50303250	Nguyễn Tâm Phúc	20/02/1993	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-48	
49	50303285	Nguyễn Văn Xanh	22/05/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-49	
50	50303369	Nguyễn Hưu Sơn	29/09/1994	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-50	
51	50303407	Hoàng Văn Khỏe	04/11/1992	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-51	
52	50301281	Nguyễn Ngọc Cường	13/10/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-52	
53	50301283	Nguyễn Văn Phương Lam	13/11/1994	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-53	
54	50301287	Đậu Đình Tùng	26/03/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-54	
55	50301344	Lê Thị Lan Anh	10/10/1999	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K28-55	
56	50301364	Phạm Đăng Nam	13/11/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-56	
57	50301372	Nguyễn Văn Mạnh	01/10/1999	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-57	
58	50301382	Nguyễn Văn Đại	10/03/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-58	
59	50301397	Lê Bá Sự	10/06/1991	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-59	
60	50301434	Phạm Văn Hoàng	25/12/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-60	
61	50301448	Trương Đức Tài	05/01/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-61	
62	50301466	Bùi Ngọc Quyền	27/11/1992	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-62	
63	50301479	Hoàng Văn Trung	10/01/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K28-63	
64	50500428	Vũ Thị Lan	17/09/1995	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K28-64	
65	50807402	Nguyễn Quốc Bình	17/07/1997	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K28-65	
66	50358315	Nguyễn Bồi	12/07/1987	Nam	Tỉnh Quảng Ngãi	K28-66	
67	50303821	Võ Văn Khánh	15/01/2004	Nam	Tỉnh Quảng Ngãi	K28-67	
68	50303847	Đặng Trung Nhân	10/09/1993	Nam	Tỉnh Quảng Ngãi	K28-68	
69	50330052	Nguyễn Thị Hạnh	16/08/1993	Nữ	Tỉnh Quảng Trị	K28-69	
70	50356202	Nguyễn Văn Biển	12/03/1988	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-70	
71	50356836	Dương Thị Hàn Ni	30/10/2000	Nữ	Tỉnh Quảng Trị	K28-71	
72	50371959	Trần Thị Mai Như	12/06/1993	Nữ	Tỉnh Quảng Trị	K28-72	
73	50305753	Mai Song Hào	06/07/2006	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-73	
74	50305856	Nguyễn Văn Sơn	19/02/1999	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-74	
75	50305857	Phạm Trường Vũ	16/06/2000	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-75	
76	50305879	Nguyễn Quốc Hùng	01/02/1995	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-76	
77	50305900	Hồ Phụng	10/09/2006	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-77	
78	50306038	Hồ Quốc Khánh	02/09/1992	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-78	
79	50306224	Phan Văn Tuấn	05/11/1997	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-79	
80	50830261	Trương Văn Huy	15/05/1994	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-80	
81	50307044	Nguyễn Văn Lượng	04/06/1988	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-81	
82	50307071	Hoàng Ngọc Đại	15/01/1997	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-82	
83	50302677	Lê Văn Diện	10/04/2006	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-83	
84	50302697	Nguyễn Văn Lành	01/05/2006	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-84	
85	50302732	Lê Minh Thiện	07/03/2007	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-85	
86	50302759	Ngô Nhất Dũng	24/10/2003	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-86	
87	50302792	Hoàng Văn Sơn	23/11/1998	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-87	
88	50302808	Nguyễn Hoài Nam	27/04/1996	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-88	
89	50302814	Phùng Tấn Đạt	21/01/2003	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-89	
90	50302821	Hoàng Quốc Khánh	02/06/2001	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-90	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên	Ghi chú
91	50302830	Nguyễn Hữu Tiến	03/05/1993	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-91	
92	50302863	Hoàng Xuân Quyết	25/03/2002	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-92	
93	50302890	Nguyễn Văn Hiền	22/01/2003	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-93	
94	50302905	Mai Xuân Nam	18/02/2002	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-94	
95	50302923	Nguyễn Hoàng Việt	30/08/2007	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-95	
96	50302938	Hoàng Vũ Trường	28/02/2000	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-96	
97	50302987	Phan Văn Nhân	02/08/1994	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-97	
98	50303375	Trần Ngọc Trường Sa	12/10/2001	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-98	
99	50303407	Nguyễn Văn Nguyên	10/03/2001	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-99	
100	50303423	Nguyễn Công Vũ	21/05/1993	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-100	
101	50303441	Trương Quang Hòa	30/04/1999	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-101	
102	50303447	Bùi Tuấn Kiệt	08/08/2004	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K28-102	
103	50836970	Thái Lê Minh Định	21/12/2006	Male	Tỉnh Tây Ninh	K28-103	Bố trí lại
104	50805362	Lã Văn Hiền	24/05/2001	Nam	Tỉnh Tuyên Quang	K28-104	
105	50305417	Trịnh Thị Mai	20/01/1990	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	K28-105	
106	50314067	Nguyễn Văn Tiến	10/05/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-106	
107	50314071	Lê Tuấn Anh	13/07/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-107	
108	50314945	Trịnh Duy Hiếu	27/08/2001	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-108	
109	50315056	Đỗ Thị Thủy Dung	16/08/2002	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-109	
110	50315149	Trịnh Thị Hằng	16/04/1999	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-110	
111	50315335	Nguyễn Thị Lan Anh	29/03/2004	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-111	Bố trí lại
112	50315438	Nguyễn Văn Thế	02/09/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-112	
113	50315525	Lê Minh Anh	02/03/2005	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-113	Bố trí lại
114	50315630	Hoàng Văn Tân	24/09/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-114	
115	50315894	Vũ Thị Thu Hằng	15/11/2005	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-115	
116	50316021	Lê Thị Phụng	12/06/2000	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-116	
117	50316185	Phan Văn Phương	26/12/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-117	
118	50316338	Nguyễn Xuân Hải	24/04/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-118	
119	50316394	Tổng Thị Thủy Linh	09/04/2005	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-119	
120	50316602	Tạ Hải Thanh	28/02/1991	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-120	Bố trí lại
121	50316614	Hoàng Thị Hào	15/10/1992	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-121	Bố trí lại
122	50316656	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/02/1999	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-122	
123	50316679	Lê Thủy Linh	12/07/2005	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-123	
124	50316895	Đỗ Tuấn Anh	29/03/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-124	
125	50317025	Lê Như Cường	29/07/1996	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-125	
126	50317324	Hoàng Văn Anh	16/10/1999	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-126	
127	50317523	Lê Xuân Ba	16/05/2001	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-127	
128	50317702	Dương Thị Hồng	23/10/2003	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-128	
129	50317835	Đỗ Thị Yến	06/06/1999	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-129	
130	50317870	Lê Văn Tài	04/09/1999	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-130	
131	50317979	Trần Văn Cảnh	16/01/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-131	
132	50318156	Phạm Đình Nam	17/06/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-132	
133	50318160	Hàn Viết Cường	06/05/1996	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-133	
134	50318308	Dương Thị Hải Ngọc	03/12/2000	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-134	
135	50318337	Nguyễn Huy Hùng	28/11/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-135	
136	50318511	Trần Thành Công	17/10/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-136	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên	Ghi chú
137	50318578	Ngô Thị Lý	25/07/2001	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-137	
138	50318636	Lê Công Tú	06/12/2001	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-138	
139	50318963	Lường Thị Hằng	11/03/1998	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-139	
140	50319014	Lê Duy Lợi	28/05/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-140	
141	50319220	Đặng Bá Thành	16/05/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-141	
142	50319615	Lê Hữu Linh	21/07/1992	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-142	
143	50319696	Lê Văn Đức	27/07/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-143	Bố trí lại
144	50319724	Lê Công Hưng	26/12/1988	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-144	
145	50320172	Trương Việt Anh	16/06/2001	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-145	
146	50320583	Hắc Ngọc Huy	04/03/2001	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-146	
147	50320833	Vũ Ngọc Linh	17/08/2004	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-147	
148	50320936	Dương Thị Oanh	04/06/2004	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-148	
149	50321152	Lê Thị Thu Hà	27/04/2003	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-149	
150	50321366	Hà Thị Duyên	27/01/2000	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-150	
151	50321481	Lê Thị Hồng Nhung	09/09/2004	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-151	
152	50321483	Trịnh Thanh Bình	12/06/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-152	
153	50321492	Vi Văn Lịch	13/11/1989	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-153	
154	50321672	Lê Hữu Hải	23/02/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-154	
155	50321821	Lê Hoài Thu	19/06/2001	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-155	
156	50321823	Đoàn Thị Sơn	08/09/1994	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-156	
157	50321839	Lê Thị Vui	24/03/1998	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-157	Bố trí lại
158	50321973	Hoàng Ngọc Hiếu	02/03/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-158	
159	50345147	Lê Thị Thu Uyên	08/01/1997	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-159	
160	50345337	Vũ Thị Hồng	10/06/2003	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-160	
161	50371298	Phạm Thị Huệ	18/01/1997	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-161	
162	50371368	Hà Văn Khang	13/11/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-162	
163	50371378	Lang Xuân Thái	29/08/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-163	
164	50371492	Lò Khăm Lâm	22/11/1989	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-164	
165	50371513	Vi Thị Duyên	22/05/1995	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-165	
166	50371524	Lương Thị Dung	11/05/1998	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-166	
167	50373619	Nguyễn Chí Duẩn	25/12/1990	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-167	
168	50202207	Lương Văn Hoàng	16/11/1998	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-168	
169	50300937	Nguyễn Văn Hùng	10/06/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-169	
170	50300938	Đặng Văn Đại	18/03/1988	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-170	
171	50301005	Lâm Bá Đức Dương	15/12/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-171	
172	50301099	Trần Văn Dân	27/11/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-172	
173	50301121	Nguyễn Văn Ngọc	13/06/1988	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-173	
174	50301183	Cao Thành Đồng	12/12/1993	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-174	
175	50301279	Lê Tiến Anh	18/08/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-175	
176	50301297	Trương Văn Nhâm	01/02/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-176	
177	50301342	Đoàn Văn Đức	10/10/1991	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-177	
178	50301368	Trần Trí Định	03/02/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-178	
179	50820136	Lê Phạm Thị Hải Yến	04/09/2006	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K28-179	Bố trí lại
180	50300573	Bùi Văn Dũng	04/10/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-180	
181	50300576	Nguyễn Hữu Cường	18/11/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-181	
182	50300583	Ngô Đông Ban	01/10/1998	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-182	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên	Ghi chú
183	50300589	Nguyễn Thế Vương	13/06/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-183	
184	50300592	Vũ Đình Định	25/08/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-184	
185	50300608	Bùi Chí Công	22/08/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-185	
186	50300628	Nguyễn Văn Đức	21/06/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-186	
187	50300686	Phạm Văn Thành	08/01/1999	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K28-187	
188	50308626	Nguyễn Hữu Cao	15/03/1999	Nam	Thành phố Bắc Ninh	K28-188	Bổ trí lại
189	50308266	Lý Thị Thêm	30/03/2003	Nữ	Thành phố Bắc Ninh	K28-189	
190	50370546	Ngọc Thị Trang	08/11/1998	Nữ	Thành phố Bắc Ninh	K28-190	
191	50370589	Phùng Văn Hiệp	23/09/1999	Nam	Thành phố Bắc Ninh	K28-191	
192	50370600	Đào Bá Chiến	23/10/1999	Nam	Thành phố Bắc Ninh	K28-192	
193	50370641	Nguyễn Thị Lan	29/01/1991	Nữ	Thành phố Bắc Ninh	K28-193	
194	50808069	La Tứ Xuyên	07/09/2006	Nam	Thành phố Bắc Ninh	K28-194	
195	50308479	Nguyễn Văn Trọng	04/03/2002	Nam	Thành phố Bắc Ninh	K28-195	
196	50308484	Vũ Hoàng Anh	09/02/2005	Nam	Thành phố Bắc Ninh	K28-196	
197	50308599	Nguyễn Thị Phương	16/11/2003	Nữ	Thành phố Bắc Ninh	K28-197	
198	50372837	Bùi Văn Rỏ	12/05/2001	Nam	Thành phố Cần Thơ	K28-198	
199	50300533	Lê Văn Minh	25/03/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-199	
200	50300573	Nguyễn Duy Ngọc	16/12/2005	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-200	
201	50300636	Nguyễn Văn Sướng	26/05/1998	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-201	
202	50300638	Vũ Đắc Hoàn	30/09/2005	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-202	
203	50300780	Nguyễn Duy Nam	28/06/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-203	
204	50300817	Nguyễn Đình Đạo	09/09/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-204	
205	50300822	Đặng Đình Thoả	10/06/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-205	
206	50300911	Nguyễn Tiến Đạt	03/11/2005	Nam	Thành phố Hà Nội	K28-206	
207	51030694	Phạm Văn Mạnh	18/02/1988	Nam	Thành phố Hải Phòng	K28-207	
208	50302424	Lê Thị Hà	06/08/1989	Nữ	Thành phố Hải Phòng	K28-208	
209	50801881	Vũ Văn Phúc	05/12/1996	Nam	Thành phố Hải Phòng	K28-209	
210	50309201	Nguyễn Thị Trang	06/02/1991	Nữ	Thành phố Quảng Ninh	K28-210	
211	50300385	Đinh Văn Quỳnh	26/11/2004	Nam	Thành phố Quảng Ninh	K28-211	
212	50300388	Hoàng Văn Tâm	02/01/2001	Nam	Thành phố Quảng Ninh	K28-212	
213	50300389	Nguyễn Đăng Quang	07/04/1993	Nam	Thành phố Quảng Ninh	K28-213	

